

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP**  
**YÊN BÁI**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>13 - 31</b>

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và 04 lần ược cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, trong đó:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 2 năm 2023 do thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi 04 lần về tên dự án, quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án. Trong đó, Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 0216 351 1222

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 10 năm 2021
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Ngày 23 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	Ngày 25 tháng 6 năm 2022

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Mai Đình Đình	Ủy viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Đình Chính	Ủy viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2020

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Anh Quân	Giám đốc	Ngày 09 tháng 02 năm 2023
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	Ngày 06 tháng 11 năm 2019
Ông Hoàng Minh Hiếu	Phó Giám đốc	Ngày 05 tháng 02 năm 2024
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	Ngày 06 tháng 11 năm 2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Giám đốc**



**Hoàng Anh Quân**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

2498  
CHI  
CÔ  
NH  
TOÁN  
A  
TÀI  
ĐA

Số: 2.0499/24/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

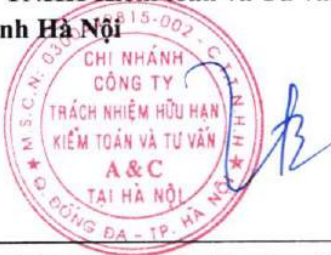
### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.16 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về việc trình bày, phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1*  
Người được uỷ quyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>317.777.864.044</b>	<b>289.940.506.938</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10.900.136.611</b>	<b>21.497.749.792</b>
1. Tiền	111		10.900.136.611	21.497.749.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.377.471.091</b>	<b>10.713.226.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	8.377.471.091	10.713.226.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>176.639.851.191</b>	<b>150.661.026.955</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	155.010.486.541	117.728.577.477
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.746.673.993	34.320.210.580
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.963.896.473	1.693.444.714
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.081.205.816)	(3.081.205.816)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>89.046.389.353</b>	<b>78.234.930.239</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	89.046.389.353	78.234.930.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.814.015.798</b>	<b>28.833.573.952</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.834.322.199	3.784.515.961
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.897.279.624	25.035.136.286
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	82.413.975	13.921.705
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>301.103.366.651</b>	<b>274.883.381.537</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>228.037.600</b>	<b>353.298.600</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	228.037.600	353.298.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>292.303.088.597</b>	<b>235.446.249.786</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	232.655.093.518	173.351.065.529
<i>Nguyên giá</i>	222		336.680.430.633	266.887.194.636
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(104.025.337.115)	(93.536.129.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	59.647.995.079	62.095.184.257
<i>Nguyên giá</i>	225		66.836.193.210	66.836.193.210
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(7.188.198.131)	(4.741.008.953)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		70.500.000	70.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(70.500.000)	(70.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>30.986.920.207</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	30.986.920.207
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.572.240.454</b>	<b>8.096.912.944</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.572.240.454	8.096.912.944
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>618.881.230.695</b>	<b>564.823.888.475</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>436.185.728.509</b>	<b>383.770.967.900</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>316.449.586.915</b>	<b>289.554.915.810</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	47.415.472.495	46.891.145.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12b	1.151.206.619	675.683.815
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.268.281.826	551.731.756
4. Phải trả người lao động	314		3.430.706.999	3.202.850.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5.645.408.356	5.841.955.343
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.373.759.940	372.850.984
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	249.164.750.680	232.018.698.187
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>119.736.141.594</b>	<b>94.216.052.090</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	8.885.744.492	8.752.424.492
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	110.850.397.102	85.463.627.598
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>182.695.502.186</b>	<b>181.052.920.575</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>182.695.502.186</b>	<b>181.052.920.575</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.416.238.169	8.416.238.169
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.280.464.017	29.637.882.406
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.487.942.406	29.637.882.406
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.792.521.611	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>618.881.230.695</b>	<b>564.823.888.475</b>

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	375.051.724.861	255.178.280.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	53.643.500	1.678.198.130
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		374.998.081.361	253.500.081.904
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	261.732.793.523	180.168.804.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.265.287.838	73.331.277.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.261.957.553	902.610.709
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.722.688.676	8.609.821.386
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.421.244.710	7.051.014.099
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	89.332.296.022	54.477.408.362
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.438.245.078	2.774.072.878
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.034.015.615	8.372.585.807
11. Thu nhập khác	31		30.276.517	188.026
12. Chi phí khác	32		4.282.501	1.027.853
13. Lợi nhuận khác	40		25.994.016	(839.827)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.060.009.631	8.371.745.980
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.267.488.020	1.633.616.277
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.792.521.611	6.738.129.703
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	615	471
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	615	471

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu



Giám đốc

Hoàng Anh Quân

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.060.009.631	8.371.745.980
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	13.812.356.617	9.389.201.996
- Các khoản dự phòng	03		-	105.667.336
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	156.715.933	1.219.146.624
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.056.940.389)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11.421.244.710	7.051.014.099
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.393.386.502	26.136.776.035
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.950.617.184)	(31.548.785.038)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.127.964.597)	11.306.128.448
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.352.408.978)	762.613.230
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(525.133.748)	(2.270.263.289)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.542.914.165)	(7.289.399.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(527.898.710)	(178.154.845)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(35.633.550.880)</b>	<b>(3.081.085.303)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20.899.176.754)	(61.890.336.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		203.703.704	4.847.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.335.754.909	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	7.525.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.030.913.618	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.328.804.523)</b>	<b>(49.518.064.120)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	363.959.879.856	254.005.532.817
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(316.782.759.442)	(197.509.369.025)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.16b	(4.807.998.496)	(5.603.919.059)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>42.369.121.918</b>	<b>50.892.244.733</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(10.593.233.485)</b>	<b>(1.706.904.690)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>21.497.749.792</b>	<b>19.440.056.143</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.379.696)	(32.310.397)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>10.900.136.611</b>	<b>17.700.841.056</b>

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bột đá  $CaCO_3$ .

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 223 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 182 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Năm Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Năm Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

HIS  
NH  
ĐNG  
THIÊN  
DÂN V  
A &  
LI HÀ  
DA -



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **Chi phí san lấp mặt bằng**

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5

### **9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	114.512.960	43.856.208
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.695.093.085	21.453.893.584
Tiền đang chuyển	2.090.530.566	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.900.136.611</u></b>	<b><u>21.497.749.792</u></b>

##### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân Đội, thời hạn từ 172 - 184 ngày, lãi suất từ 2,2 - 3,3%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

##### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>93.442.955.030</i></b>	<b><i>63.939.132.108</i></b>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	4.427.505.500	7.370.900.350
Công ty Cổ phần Polyfill	33.010.804.668	32.070.639.700
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	56.004.644.862	24.463.376.938
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	-	34.215.120
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>61.567.531.511</i></b>	<b><i>53.789.445.369</i></b>
Các khách hàng khác	61.567.531.511	53.789.445.369
<b>Cộng</b>	<b><u>155.010.486.541</u></b>	<b><u>117.728.577.477</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng khu vực trong nước</i>	<i>134.030.884.289</i>	<i>100.864.137.664</i>
<i>Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài</i>	<i>20.979.602.252</i>	<i>16.864.439.813</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>155.010.486.541</u></b>	<b><u>117.728.577.477</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
VSunny Science & Technology Holdings (HK) Limited	-	25.169.242.500
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan	9.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Yên Bái	4.729.572.000	3.262.152.800
Các nhà cung cấp khác	6.517.101.993	5.888.815.280
<b>Cộng</b>	<b><u>20.746.673.993</u></b>	<b><u>34.320.210.580</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	-	-
Thuế GTGT thuế tài chính	3.499.727.103	-	801.573.452	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	454.169.370	-	891.871.262	-
<b>Cộng</b>	<b>3.963.896.473</b>	<b>-</b>	<b>1.693.444.714</b>	<b>-</b>

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ thuê tài chính dài hạn.

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	(1.070.540.942)	1.070.540.942	(1.070.540.942)
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Dịch vụ Hoàng Anh Phát	261.866.730	(261.866.730)	261.866.730	(261.866.730)
Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	(982.514.540)	982.514.540	(982.514.540)
Công ty TNHH Nguyên liệu Công nghiệp Thủy Phạm	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	766.283.604	(766.283.604)	766.283.604	(766.283.604)
<b>Cộng</b>	<b>3.081.205.816</b>	<b>(3.081.205.816)</b>	<b>3.081.205.816</b>	<b>(3.081.205.816)</b>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.081.205.816	3.230.804.052
Trích lập dự phòng bổ sung	-	94.381.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.081.205.816</b>	<b>3.325.185.552</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	74.246.855.811	-	66.239.326.711	-
Công cụ, dụng cụ	7.962.822.839	-	4.205.975.112	-
Thành phẩm	6.502.745.248	-	7.393.683.821	-
Hàng gửi đi bán	333.965.455	-	395.944.595	-
<b>Cộng</b>	<b>89.046.389.353</b>	<b>-</b>	<b>78.234.930.239</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.366.407.443	2.721.655.796
Chi phí sửa chữa	469.594.263	788.826.672
Chi phí bảo hiểm	326.444.104	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	671.876.389	274.033.493
<b>Cộng</b>	<b>3.834.322.199</b>	<b>3.784.515.961</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	54.064.056	-
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	7.476.594.351	7.567.348.701
Chi phí sửa chữa	635.135.635	295.114.427
Các chi phí khác	406.446.412	234.449.816
<b>Cộng</b>	<b>8.572.240.454</b>	<b>8.096.912.944</b>

(\*) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chi phí này được phân bổ trong vòng 600 tháng kể từ 01/01/2016. Giá trị thi công san lấp mặt bằng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (Xem thuyết minh số V.16).

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	78.980.287.324	168.636.413.894	17.825.319.690	904.651.728	540.522.000	266.887.194.636
Mua trong kỳ	-	2.725.003.000	1.230.000.000	367.371.545	478.471.364	4.800.845.909
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.770.328.316	64.275.698.136	-	-	-	66.046.026.452
Thanh lý trong kỳ	-	-	(1.053.636.364)	-	-	(1.053.636.364)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>80.750.615.640</b>	<b>235.637.115.030</b>	<b>18.001.683.326</b>	<b>1.272.023.273</b>	<b>1.018.993.364</b>	<b>336.680.430.633</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	210.895.454	494.981.818	-	451.876.455	-	1.113.308.272
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	20.314.691.746	63.387.786.877	8.841.647.856	632.855.788	359.146.840	93.536.129.107
Khấu hao trong kỳ	2.480.991.067	7.748.065.529	1.021.098.035	53.652.412	61.360.396	11.365.167.439
Thanh lý trong kỳ	-	-	(875.959.431)	-	-	(875.959.431)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.795.682.813</b>	<b>71.135.852.406</b>	<b>8.986.786.460</b>	<b>686.508.200</b>	<b>420.507.236</b>	<b>104.025.337.115</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	58.665.595.578	105.248.627.017	8.983.671.834	271.795.940	181.375.160	173.351.065.529
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>57.954.932.827</b>	<b>164.501.262.624</b>	<b>9.014.896.866</b>	<b>585.515.073</b>	<b>598.486.128</b>	<b>232.655.093.518</b>
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 126.303.738.925 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	59.656.193.210	7.180.000.000	66.836.193.210
Số cuối kỳ	<b>59.656.193.210</b>	<b>7.180.000.000</b>	<b>66.836.193.210</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.071.524.936	669.484.017	4.741.008.953
Khấu hao trong kỳ	1.933.378.374	513.810.804	2.447.189.178
Số cuối kỳ	<b>6.004.903.310</b>	<b>1.183.294.821</b>	<b>7.188.198.131</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	55.584.668.274	6.510.515.983	62.095.184.257
Số cuối kỳ	<b>53.651.289.900</b>	<b>5.996.705.179</b>	<b>59.647.995.079</b>

#### 11. Phải trả người bán

##### 11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>12.574.298.461</b>	<b>4.155.527.413</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	12.399.125.661	4.155.527.413
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	175.172.800	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>34.841.174.034</b>	<b>42.735.618.312</b>
Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd	-	11.724.000.000
Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB	5.540.761.946	5.742.182.328
Các nhà cung cấp khác	29.300.412.088	25.269.435.984
<b>Cộng</b>	<b>47.415.472.495</b>	<b>46.891.145.725</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	40.822.289.192	31.870.405.775
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	6.593.183.303	15.020.739.950
<b>Cộng</b>	<b>47.415.472.495</b>	<b>46.891.145.725</b>

##### 11b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.829.344.492</b>	<b>5.821.424.492</b>
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	3.461.881.300	3.461.881.300
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	2.367.463.192	2.359.543.192
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>3.056.400.000</b>	<b>2.931.000.000</b>
Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd	3.056.400.000	2.931.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.885.744.492</b>	<b>8.752.424.492</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	5.829.344.492	5.821.424.492
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	3.056.400.000	2.931.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.885.744.492</b>	<b>8.752.424.492</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Siloxane Aggrandize Innovative Industries	225.039.870	-
Mohan Infinity	220.687.014	-
Pt. Syam International Logistik	-	209.273.400
Các khách hàng khác	705.479.735	466.410.415
<b>Cộng</b>	<b>1.151.206.619</b>	<b>675.683.815</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			2.276.560.924	(2.276.560.924)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.761.705	6.266.555.099	(6.335.207.369)	-	82.413.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	527.898.710	-	2.267.488.020	(527.898.710)	2.267.488.020	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.833.046	-	88.831.315	(111.870.555)	793.806	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	160.000	41.927.773	(41.767.773)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>551.731.756</b>	<b>13.921.705</b>	<b>10.945.363.131</b>	<b>(9.297.305.331)</b>	<b>2.268.281.826</b>	<b>82.413.975</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.060.009.631	8.371.745.980
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	277.430.468	(203.664.595)
- Các khoản điều chỉnh tăng	292.165.914	163.572.076
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.735.446)	(367.236.671)
Thu nhập chịu thuế	11.337.440.099	8.168.081.385
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.267.488.020</b>	<b>1.633.616.277</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	539.939.682	661.609.137
Chi phí vận chuyển, làm hàng xuất khẩu	5.105.468.674	5.180.346.206
<b>Cộng</b>	<b>5.645.408.356</b>	<b>5.841.955.343</b>

#### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>162.000.000</b>	<b>324.000.000</b>
Thù lao HĐQT, BKS	162.000.000	324.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>7.211.759.940</b>	<b>48.850.984</b>
Cổ tức phải trả	7.149.940.000	-
Kinh phí công đoàn	59.337.824	48.850.984
BHXH, BHYT, BHTN	2.482.116	-
<b>Cộng</b>	<b>7.373.759.940</b>	<b>372.850.984</b>

#### 16. Vay và nợ thuê tài chính

##### 16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(i)</sup>	132.147.891.887	135.047.836.116
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I <sup>(ii)</sup>	112.026.210.283	96.970.862.071
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt <sup>(iii)</sup>	4.990.648.510	-
<b>Cộng</b>	<b>249.164.750.680</b>	<b>232.018.698.187</b>

(i) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long:** Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức là 140 tỷ VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bột đá. Lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 1 tháng một lần, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền tài sản và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh thu được từ việc hình thành, kinh doanh, khai thác Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái (Xem thuyết minh số V.9).

(ii) **Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I:** Vay theo Hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay từng lần được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX818982 do UBND tỉnh Yên Bái cấp; giá trị thi công san lấp nhà xưởng số 1, 2, 3 và nhà kho số 1, 2 (Xem thuyết minh số V.8b) và một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

(iii) **Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt:** Vay theo Hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bột đá, hoá chất và phụ gia. Lãi suất và thời hạn vay từng lần được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	232.018.698.187	151.317.371.149
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	330.549.799.856	214.189.924.097
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(313.567.447.442)	(179.409.369.025)
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ	163.700.079	1.203.321.411
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>249.164.750.680</b>	<b>187.301.247.632</b>

#### 16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>63.634.648.000</b>	<b>42.294.680.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(i)</sup>	63.634.648.000	42.294.680.000
<b>Vay dài hạn các cá nhân</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>
Bà Hồ Nhật Lệ <sup>(ii)</sup>	4.500.000.000	4.500.000.000
Bà Đặng Thị Minh Trang <sup>(iii)</sup>	5.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nguyễn <sup>(iv)</sup>	2.000.000.000	-
Ông Bùi Hai Võ <sup>(v)</sup>	1.000.000.000	5.000.000.000
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>34.715.749.102</b>	<b>33.668.947.598</b>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(vi)</sup>	34.715.749.102	33.668.947.598
<b>Cộng</b>	<b>110.850.397.102</b>	<b>85.463.627.598</b>

- (i) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long:** Vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 16/2023-HDDCVĐADADDT/NHCT140-YBM ngày 26/06/2023, hạn mức 20.800.000.000 VND nhằm mục đích đầu tư máy nghiền thủy lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 1 tháng một lần (tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán là 9,3%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền tài sản, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của Công ty tương tự như Khoản vay ngắn hạn cùng Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.16a) và tài sản hình thành từ chính vốn vay này.
- (ii) **Bà Hồ Nhật Lệ:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay ngày 25/12/2019, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 8%/năm, tiền vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (iii) **Bà Đặng Thị Minh Trang:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay số HĐCV/2023/YBM-ĐMT ngày 31/3/2023, thời gian vay 36 tháng, lãi suất 5%/năm, tiền lãi vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (iv) **Bà Nguyễn Thị Nguyễn:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay số HĐCV/2024/YBM-NTN ngày 01/4/2024, thời gian vay 36 tháng, lãi suất 5%/năm, tiền lãi vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (v) **Ông Bùi Hai Võ:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay số HĐCV/2024/YBM-BHV ngày 01/4/2024, thời gian vay 36 tháng, lãi suất 5%/năm, tiền lãi vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (vi) **Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:** Thuê tài chính với thời hạn 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6-12 tháng cộng biên độ:

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày ký kết	Số tiền	Biên độ lãi suất
20/12/2020	102.900 USD	Biên độ 3%/năm
08/6/2021	757.600 USD	Biên độ 3,1%/năm
08/3/2023	960.000 USD	Biên độ 2,8%/năm
19/6/2023	4.256.600.000 VND	Biên độ 2,9%/năm
25/7/2023	5.157.294.545 VND	Biên độ 2,9%/năm

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	63.634.648.000	7.563.936.000	56.070.712.000
Vay dài hạn các cá nhân	12.500.000.000	4.500.000.000	8.000.000.000
Nợ thuê tài chính	34.715.749.102	9.268.916.543	25.446.832.559
<b>Cộng</b>	<b>110.850.397.102</b>	<b>21.332.852.543</b>	<b>89.517.544.559</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	42.294.680.000	10.668.000.000	31.626.680.000
Vay dài hạn các cá nhân	9.500.000.000	4.500.000.000	5.000.000.000
Nợ thuê tài chính	33.668.947.598	9.127.308.792	24.541.638.806
<b>Cộng</b>	<b>85.463.627.598</b>	<b>24.295.308.792</b>	<b>61.168.318.806</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	42.294.680.000	9.500.000.000	33.668.947.598	85.463.627.598
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	24.555.280.000	3.000.000.000	5.854.800.000	33.410.080.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.215.312.000)		(4.807.998.496)	(8.023.310.496)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>63.634.648.000</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>34.715.749.102</b>	<b>110.850.397.102</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### 17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	142.998.800.000	8.416.238.169	23.382.783.327	174.797.821.496
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	6.738.129.703	6.738.129.703
Chia cổ tức	-	-	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>142.998.800.000</b>	<b>8.416.238.169</b>	<b>22.970.973.030</b>	<b>174.386.011.199</b>
Số dư đầu năm nay	142.998.800.000	8.416.238.169	29.637.882.406	181.052.920.575
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	8.792.521.611	8.792.521.611
Chia cổ tức	-	-	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>142.998.800.000</b>	<b>8.416.238.169</b>	<b>31.280.464.017</b>	<b>182.695.502.186</b>

##### 17b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.299.880	14.299.880

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 17c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2024 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông (5%/vốn điều lệ) : 7.149.940.000 VND

#### 18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 42.168,90 USD (số đầu năm là 121.701,30 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	6.340.304.875	9.894.550.000
Doanh thu bán thành phẩm	368.711.419.986	245.283.730.034
<b>Cộng</b>	<b>375.051.724.861</b>	<b>255.178.280.034</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa	236.801.869.668	160.358.555.033
Doanh thu xuất khẩu	138.249.855.193	61.633.371.574
<b>Cộng</b>	<b>375.051.724.861</b>	<b>221.991.926.607</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa, thành phẩm cho công ty con. Các giao dịch về bán hàng hóa, thành phẩm cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	22.038.970.950	33.555.705.700
Công ty Cổ phần Polyfill	80.579.290.925	66.216.364.440
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	217.085.000	47.190.000
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	67.159.317.298	33.329.816.438
<b>Cộng</b>	<b>169.994.664.173</b>	<b>133.149.076.578</b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	1.631.440.630
Giảm giá hàng bán	53.643.500	46.757.500
<b>Cộng</b>	<b>53.643.500</b>	<b>1.678.198.130</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	255.729.266.409	9.716.423.562
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.003.527.114	170.452.380.618
<b>Cộng</b>	<b>261.732.793.523</b>	<b>180.168.804.180</b>
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn nội địa	189.189.443.206	120.955.528.074
Giá vốn xuất khẩu	72.543.350.317	33.946.970.456
<b>Cộng</b>	<b>261.732.793.523</b>	<b>154.902.498.530</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.030.913.618	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.853.709	4.091.631
Lãi bán ngoại tệ	-	404.302.660
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.227.190.226	494.216.418
<b>Cộng</b>	<b>4.261.957.553</b>	<b>902.610.709</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.421.244.710	7.051.014.099
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	11.285.836
Lỗ bán ngoại tệ	-	30.794.544
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.144.728.033	297.580.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	156.715.933	1.219.146.624
<b>Cộng</b>	<b>12.722.688.676</b>	<b>8.609.821.386</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.026.081.747	1.203.853.707
Chi phí vật liệu, bao bì	660.098.230	510.188.424
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.573.016	-
Chi phí vận chuyển	85.283.944.263	52.273.963.593
Các chi phí khác	321.598.766	489.402.638
<b>Cộng</b>	<b>89.332.296.022</b>	<b>54.477.408.362</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.931.151.150	1.291.620.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.364.241	32.478.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	505.198.710	350.706.081
Thuế, phí và lệ phí	677.552.198	327.950.226
Trích lập Dự phòng phải thu khó đòi	-	94.381.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.032.486.226	543.656.426
Các chi phí khác	272.492.553	133.279.272
<b>Cộng</b>	<b>4.438.245.078</b>	<b>2.774.072.878</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.792.521.611	6.738.129.703
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	8.792.521.611	6.738.129.703
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.299.880	14.299.880
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>615</b>	<b>471</b>

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.482.355.141	120.859.620.139
Chi phí nhân công	16.947.378.743	11.327.397.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.812.356.617	9.389.201.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.072.659.088	89.049.920.548
Chi phí khác	2.232.140.207	1.782.893.623
<b>Cộng</b>	<b>348.546.889.796</b>	<b>232.409.033.932</b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.15.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Kỳ này		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	213.503.200	30.000.000	243.503.200
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	179.606.400	-	179.606.400
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	35.000.000	-	35.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Đình Chinh	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>428.109.600</b>	<b>162.000.000</b>	<b>590.109.600</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc (từ 09/02/2023)	118.709.600	30.000.000	148.709.600
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	30.000.000	30.000.000
Ông Huỳnh Song Trà (*)	Giám đốc (đến 09/02/2023)	-	-	-
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	156.479.200	-	156.479.200
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	34.000.000	-	34.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Đình Chinh	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>309.188.800</b>	<b>162.000.000</b>	<b>471.188.800</b>

(\*) Giám đốc không nhận lương.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Polyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.786.479.000
Thuê văn phòng	328.800.000	172.935.484
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ</b>		
Mua nguyên vật liệu	159.248.000	3.539.488.939
Thu lại tiền ứng mua đá	-	7.600.000.000
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam</b>		
Mua nguyên vật liệu	112.581.142.706	45.713.420.253
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	1.226.975.000	-
Ứng tiền mua đá theo Hợp đồng nguyên tắc	-	20.000.000.000
Thu lại tiền ứng mua đá	-	3.000.000.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

Thông tin về doanh thu, giá vốn khu vực nội địa và xuất khẩu được trình bày ở Thuyết minh VI.1 và VI.2. Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của Công ty chỉ tập trung ở khu vực nội địa.

Tài sản và nợ phải trả của khách hàng/nhà cung cấp khu vực trong nước và nước ngoài được trình bày ở Thuyết minh V.3 và V.11. Các tài sản và nợ phải trả còn lại không được theo dõi theo bộ phận.

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 2408/NQ-HĐQT về việc phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2023 vào thời điểm ngày 02 tháng 10 năm 2024.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

